TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST
Ngày: 23/8/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A")**

Địa chỉ trụ sở: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Việt N** (UQ số 17/2023/UQ-A ngày 19/9/2023)

Chức vụ: Phó Bộ phận Quản lý Công nợ

Đại diện ủy quyền của bà N là ông **Nguyễn Đăng T1**, sinh năm 1986 (có

mặt)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H

2. Bị đơn: Chị **Lý Thị T2**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9 C, xã Đ, huyện A, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắc là "A") trình bày:*

Nguyên vào ngày 28/3/2023, chị Lý Thị T2 ký Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 A vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 40.508.000 (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ tám nghìn) đồng. Lãi suất: 0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng.

Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và chị T2 đã nhận tài sản.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì chị T2 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 12 tháng, mỗi tháng chị T2 phải thanh toán cho A số tiền là 3.375.666 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 04/05/2023.

Từ ngày 24/04/2023 đến ngày 08/11/2023, chị T2 thanh toán cho A được số tiền là 23.715.996 đồng. Trong đó, tiền gốc: 23.631.996 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 84.000 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 08/11/2023 đến nay, chị T2 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A và cố tình lẫn tránh.

Vì vậy, việc chị T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của A.

Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 hợp đồng số 50090004011136000 ngày 28/03/2023:

Yêu cầu chị Lý Thị T2 phải thanh toán 01 lần toàn bộ khoản nợ cho A số tiền tính đến hết ngày 02/7/2024 là 16.936.004đ (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm lẻ bốn đồng).

Chị Lý Thị T2 tiếp tục phải thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, các loại phí từ sau ngày 02/7/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023.

** Bị đơn chị Lý Thị T2 vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn A xác định vẫn giữ yêu cầu chị Lý Thị T2 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, số tiền tính đến hết ngày 23/08/2024 là 16.936.004 đồng, trong đó: Nợ gốc 16.876.004 đồng; Lãi 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí quản lý khoản vay: 60.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023.

- Bị đơn chị Lý Thị T2: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lý Thị T2 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 16.936.004 đồng, trong đó: Nợ gốc 16.876.004 đồng; Lãi 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí quản lý khoản vay: 60.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thẩm quyền: A có đơn khởi kiện tranh chấp đối với chị Lý Thị T2 về yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, chị Lý Thị T2 cung cấp địa chỉ cư trú tại Ấp 9 C, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lý Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T2 trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của A thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện vào ngày 28/3/2023, chị Lý Thị T2 ký Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 A vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 40.508.000 (Bốn mươi triệu năm trăm lẻ tám nghìn) đồng. Lãi suất: 0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và chị T2 đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì chị T2 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 12 tháng, mỗi tháng chị T2 phải thanh toán cho A số tiền là 3.375.666 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 04/05/2023. Từ ngày 24/04/2023 đến ngày 08/11/2023, chị T2 thanh toán cho A được số tiền là 23.715.996 đồng. Trong đó, tiền gốc: 23.631.996 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 84.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 08/11/2023 đến nay, chị T2 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A đã vi phạm Điều 3; Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023. A đã nhiều lần yêu cầu chị T2 trả nợ nhưng chị T2 lẫn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định chị Lý Thị T2 có vay và còn nợ A tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 16.936.004 đồng, trong đó: Nợ gốc 16.876.004 đồng; Lãi 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí quản lý khoản vay: 60.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91,

95 Luật Các tổ chức tín dụng nên chị T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho A số nợ vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 16.936.004 đồng, trong đó: Nợ gốc 16.876.004 đồng; Lãi 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí quản lý khoản vay: 60.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên chị T2 phải chịu 846.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 288, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lý Thị T2 trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 16.936.004 đồng, trong đó: Nợ gốc 16.876.004 đồng; Lãi 0 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí quản lý khoản vay: 60.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 50090004011136000 ngày 28/3/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lý Thị T2 phải chịu 846.800 đồng.

- Hoàn trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") số tiền 423.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004912 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lý Thị T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU